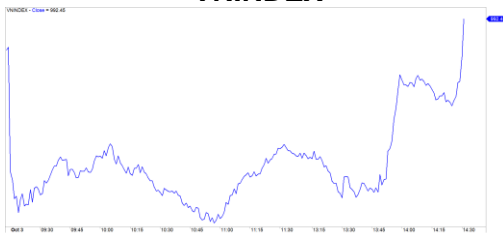


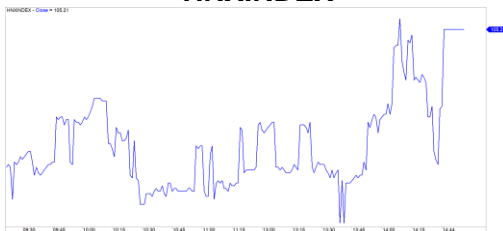
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	992.45	105.21	57.15
% ngày	0.13%	-0.06%	0.53%
% tuần	0.17%	0.42%	-0.12%
% tháng	1.34%	3.76%	-0.28%
% năm	-2.74%	-8.74%	5.04%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,741	303	178
TB 1 tuần	4,283	350	232
TB 1 tháng	3,999	374	269
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	323.24	6.85	12.15
Bán	524.75	2.68	8.11
Giá trị ròng	-201.51	4.17	4.05
Độ rộng TT			
Mã Tăng	138	69	180
Mã Giảm	148	61	95
Không Đổi	100	238	625
Chỉ số chính			
P/E	16.74	9.31	18.76
Vốn hóa TT	3,361	192	981
(ngàn tỷ)			
LS Cổ tức	1.38%	3.88%	5.32%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Duy trì quán tính giảm trong phiên sáng nhưng lực cầu giá thấp giúp VN-Index hồi phục khi tiệm cận ngưỡng 982 điểm. Chỉ số chốt phiên đảo chiều tăng 0.13% dừng tại 992.45 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm nhẹ 0.05% neo tại 105.21. Chỉ số Upcom-Index tăng khá tốt với mức tăng 0.53% chốt tại 57.15 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường duy trì ở mức cao đạt hơn 3,600 tỷ đồng.

BID(+2.6%) tăng mạnh và vượt lên trên nền giá 40,000 đồng phiên hôm nay đóng cửa tại 41,250 đồng/cp. VNM(+1.6%) cũng tạo bệ đỡ tâm lý khi chấm dứt chuỗi phiên giảm 3 phiên liên tiếp. VCB cũng ảnh hưởng tích cực tới Index khi hồi phục về mức tham chiếu dù giảm hơn 1.7% trong phiên. REE(+1.4%), GMD(+1.1%), MSN(+1.3%)... là các mã có mức tăng tích cực trong VN30-Index. Ở chiều ngược lại, GAS(-1.4%) là trụ ảnh hưởng tiêu cực nhất tới chỉ số nhiều nhất. Nhóm VNSML-Index có mức tăng vượt trội khi tăng 0.68% đặc biệt là các mã Bất động sản chiếm ưu thế có thể kể tên như IJC(+7%), HDC(+6.4%), ITC(+5.8%), TDH(+4.9%), LGL(+3.9%), TDC(+2.4%), LCG(+2.1%)...

Khối ngoại bán ròng phiên thứ 7 liên tiếp với tổng giá trị 193 tỷ đồng trên toàn thị trường. VCB, VRE, HPG dẫn đầu danh sách bán ròng lần lượt 44 tỷ, 41 tỷ và 27 tỷ đồng. Ở chiều mua, BID dẫn đầu danh sách mua ròng với 14.4 tỷ.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 1,000 điểm trong vài phiên tới. Đồng thời, thị trường vẫn đang bước vào giai đoạn tích lũy cho nên thị trường vẫn có thể sẽ tiếp tục phân hóa và áp lực điều chỉnh vẫn có khả năng sẽ xảy ra trong phiên tới cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mua đuổi ở nhịp tăng. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm nhẹ cho nên chiến lược ngắn hạn vẫn là cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 985.90 điểm của chỉ số VN-Index và 103.16 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và hạn chế mua ở các nhịp tăng, các nhà đầu tư ngắn hạn có thể quan sát và chờ đợi động thái rõ ràng hơn của thị trường ở phiên tới.

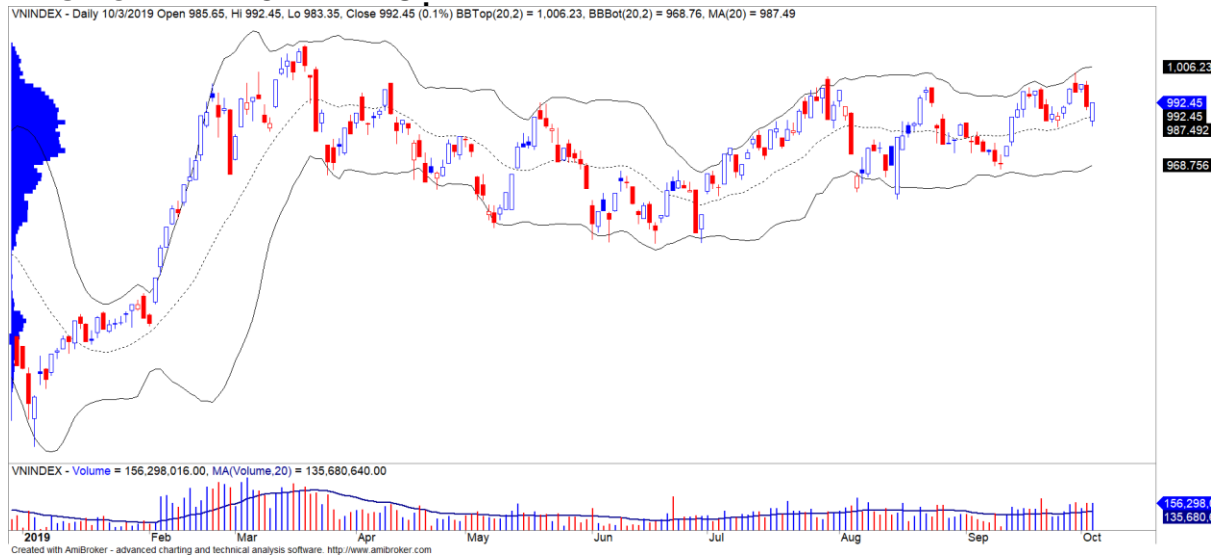
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 53% cổ phiếu/47% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	988	1,000	976	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	102.5	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.10	GIẢM	GIẢM		15.89				17.71		
ACB	23.60	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
ACV	76.70	TĂNG	GIẢM	75.80	72.72	1.19%			83.54		
ANV	26.00	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	0.39%			27.58		
ASM	7.48	TĂNG	TĂNG	6.30	7.14	18.73%		7.61	5.80	-1.71%	
BFC	14.75	GIẢM	GIẢM		15.26				16.76		
BID	41.25	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	26.34%		33.40	36.62	23.50%	
BMP	51.60	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	-0.39%		48.30	45.90	6.83%	
BSR	9.20	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-8.91%			10.51		
BVH	74.50	TĂNG	GIẢM	74.80	72.82	-0.40%			80.41		
BWE	26.20	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-1.69%		20.00	25.45	31.00%	
CEO	10.10	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-1.94%			11.11		
CII	23.00	TĂNG	TĂNG	21.40	21.98	7.48%			22.49		
CMG	38.25	GIẢM	TĂNG		38.67			23.20	34.96	64.87%	
CMX	22.00	GIẢM	GIẢM		26.07			5.91	26.88	354.77%	BÁN
CSM	14.75	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	2.50%	
CTD	92.60	GIẢM	GIẢM	97.00	92.68	-4.45%	BÁN		104.50		
CTG	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	20.63	0.72%			21.90		
CTG	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	20.63	0.72%			21.90		
CTR	48.40	TĂNG	N/A	46.50	43.39	4.09%		-	N/A		
CVT	23.60	TĂNG	TĂNG	21.25	22.27	11.06%		20.35	18.94	15.97%	
DCM	7.37	GIẢM	TĂNG		7.64			8.54	7.15	-13.70%	
DGC	26.70	TĂNG	GIẢM	27.80	26.08	-3.96%			30.54		
DGW	24.70	TĂNG	TĂNG	24.60	23.68	0.41%		23.50	21.79	5.11%	
DHA	30.50	GIẢM	GIẢM		32.91				35.00		
DHC	34.60	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	4.85%			35.33		
DHG	92.50	TĂNG	GIẢM	93.50	91.82	-1.07%			99.56		
DIG	15.10	TĂNG	TĂNG	14.25	14.26	5.96%		13.90	12.65	8.63%	
DPG	48.15	TĂNG	GIẢM	47.20	44.16	2.01%			50.61		
DPM	13.45	TĂNG	GIẢM	13.60	13.11	-1.10%			14.62		
DPR	36.95	GIẢM	GIẢM		38.03				42.08		
DQC	18.25	GIẢM	GIẢM		18.62				20.27		
DRC	23.15	GIẢM	TĂNG		24.08			21.60	20.67	7.18%	
DXG	16.80	TĂNG	TĂNG	16.15	16.52	4.02%		15.50	14.48	8.39%	
EIB	16.80	GIẢM	GIẢM		17.23				18.06		

We Create Fortune

FCN	12.60	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	-0.40%			13.36		
FMC	27.00	GIẢM	TĂNG		27.65			31.60	26.18	-14.56%	
FPT	57.20	TĂNG	TĂNG	45.20	55.95	26.55%		46.00	52.65	24.35%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM	105.20	102.13	-2.92%	BÁN		109.55		
GEX	21.95	GIẢM	TĂNG		23.02			20.20	20.77	8.66%	
GIL	20.05	TĂNG	GIẢM	21.00	19.51	-4.52%			23.76		
GMD	27.70	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-0.89%		28.50	26.02	-2.81%	
GTN	19.30	GIẢM	TĂNG		19.88			15.00	17.31	28.67%	
GVR	14.00	GIẢM	N/A		14.42				N/A		
HAG	4.64	GIẢM	GIẢM		4.67				5.13		
HAX	18.35	TĂNG	TĂNG	18.35	18.03	0.00%	MUA	15.75	17.40	16.51%	BÁN
HBC	14.25	TĂNG	GIẢM	13.70	13.95	4.01%			15.19		
HCM	24.45	TĂNG	TĂNG	22.15	23.34	10.38%		23.40	20.04	4.49%	
HDB	27.80	TĂNG	TĂNG	26.30	27.30	5.70%			27.71		
HDC	23.95	TĂNG	TĂNG	22.15	21.24	8.13%		15.25	18.89	57.05%	
HDG	36.65	TĂNG	TĂNG	35.50	34.13	3.24%		35.30	32.61	3.82%	
HNG	15.10	GIẢM	GIẢM		16.16				18.52		
HPG	21.55	GIẢM	GIẢM		22.70				23.96		
HSG	7.09	TĂNG	GIẢM	6.86	6.69	3.35%			7.44		
HT1	15.90	TĂNG	GIẢM	15.90	15.64	0.00%	MUA		16.70		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%			2.71		
HVN	32.80	GIẢM	GIẢM		34.24				37.60		
KBC	15.20	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-0.98%	
KDH	25.30	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.48%		24.00	23.00	5.42%	
KSB	22.10	GIẢM	TĂNG		22.62			23.90	21.11	-7.53%	
LCG	9.80	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	2.08%			10.47		
LDG	11.45	TĂNG	TĂNG	8.18	10.17	39.98%		9.89	8.90	15.77%	
LHG	16.30	GIẢM	GIẢM		17.03				19.15		
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25		
LSS	5.01	GIẢM	GIẢM		5.18				5.62		
MBB	22.95	TĂNG	TĂNG	22.20	22.31	3.38%		21.85	20.13	5.03%	
MPC	25.60	GIẢM	GIẢM		27.29				33.18		
MSN	78.00	GIẢM	GIẢM		80.62				81.93		
MSR	16.70	GIẢM	GIẢM		17.88				18.90		
MWG	125.10	TĂNG	TĂNG	122.40	121.90	2.21%		88.70	113.67	41.04%	
NDN	16.80	GIẢM	TĂNG		17.62			13.70	16.27	22.63%	
NKG	5.75	GIẢM	GIẢM		5.83				6.54		
NLG	28.80	TĂNG	TĂNG	28.60	27.44	0.70%		28.70	26.73	0.35%	
NT2	24.00	GIẢM	GIẢM		24.64				26.28		



We Create Fortune

NTL	22.80	GIẢM	GIẢM		23.90			26.18			
NVL	63.70	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-0.47%		63.00	62.33	1.11%	MUA
OIL	10.80	GIẢM	GIẢM		11.50			12.17			
PAC	30.50	TĂNG	GIẢM	28.70	27.59	6.27%		31.05			
PC1	20.25	GIẢM	TĂNG		21.49			21.10	18.48	-4.03%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.57			29.00	25.01	-9.66%	
PHR	60.20	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	-0.33%		65.37			
PLX	60.00	GIẢM	TĂNG		61.98			62.40	59.59	-3.85%	
PNJ	80.90	GIẢM	TĂNG		82.93			104.00	78.69	-22.21%	
POW	12.60	TĂNG	GIẢM	12.90	12.34	-2.33%		14.03			
PVT	17.35	GIẢM	TĂNG		17.92			18.30	16.28	-5.19%	
PPC	26.20	TĂNG	GIẢM	26.50	25.18	-1.13%		28.66			
PTB	70.90	TĂNG	TĂNG	69.70	68.05	1.72%		64.00	64.57	10.78%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		20.57			20.10	18.62	-5.47%	
PVD	17.50	GIẢM	TĂNG		18.53			18.10	15.96	-3.31%	
PVI	33.80	GIẢM	GIẢM		34.64			37.43			
PVS	19.20	TĂNG	GIẢM	20.70	18.60	-7.25%		21.78			
PXS	4.30	GIẢM	GIẢM		4.77			6.02			
QNS	29.70	GIẢM	TĂNG		30.22			33.80	27.80	-12.13%	
REE	38.60	TĂNG	TĂNG	37.15	37.65	3.90%		33.33	33.97	15.83%	
SAB	262.00	GIẢM	TĂNG		270.34			245.00	257.56	6.94%	
SAM	7.85	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-1.75%		7.40	7.47	6.08%	
SCR	6.51	GIẢM	GIẢM		6.69			7.01			
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.46			6.99	8.30	28.76%	
SJS	16.30	GIẢM	GIẢM		17.20			-	19.51		
SKG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.38			12.13			
SSI	23.40	TĂNG	TĂNG	21.65	22.37	8.08%		23.26			
STB	10.50	TĂNG	GIẢM	10.55	10.28	-0.47%		11.09			
TCB	23.80	TĂNG	TĂNG	22.65	22.97	5.08%		22.65	20.77	5.08%	
TCM	22.85	TĂNG	GIẢM	23.00	22.13	-0.65%		25.52			
TDH	11.80	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	25.53%		10.15	9.54	16.26%	
TLH	4.46	GIẢM	GIẢM		4.65			5.06			
TNG	18.00	GIẢM	GIẢM		18.86			20.81			
VCB	82.00	TĂNG	TĂNG	80.00	79.40	2.50%		62.00	74.69	32.26%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	107.80	TĂNG	TĂNG	87.80	102.46	22.78%		68.00	80.70	58.53%	
VGC	19.35	TĂNG	GIẢM	19.25	19.15	0.52%		20.53			
VGT	9.00	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	1.12%		9.82			
VHC	82.90	TĂNG	GIẢM	80.80	79.90	2.60%		87.84			

We Create Fortune

VHM	89.30	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	2.29%		90.20	80.11	-1.00%	
VIB	18.60	TĂNG	TĂNG	18.20	17.40	2.20%		17.70	16.40	5.08%	
VIC	118.00	GIẢM	TĂNG		122.68			112.00	113.76	5.36%	
VIP	5.08	TĂNG	GIẢM	5.15	4.95	-1.36%			5.48		
VJC	137.30	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.28%	
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.00	0.00%			15.06		
VNG	21.70	TĂNG	TĂNG	19.10	21.20	13.61%		20.20	19.28	7.43%	
VNM	129.00	TĂNG	TĂNG	124.00	126.17	4.03%		130.10	128.24	-0.85%	MUA
VPB	22.60	TĂNG	TĂNG	19.10	21.74	18.32%		20.30	19.11	11.33%	
VPI	41.50	TĂNG	TĂNG	42.20	41.24	-1.66%		41.30	39.30	0.48%	
VRC	15.60	GIẢM	GIẢM		16.33				16.26		
VRE	32.00	GIẢM	GIẢM		33.44			35.00	33.61	-3.98%	BÁN
VSC	27.20	GIẢM	GIẢM		28.46				31.41		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.60	GIẢM	GIẢM		24.15				23.85		
BID	41.25	TĂNG	TĂNG	32.65	39.35	26.34%		33.40	36.62	23.50%	
BSR	9.20	TĂNG	GIẢM	10.10	9.14	-8.91%			10.51		
BVH	74.50	TĂNG	GIẢM	74.80	72.82	-0.40%			80.41		
CTG	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	20.63	0.72%			21.90		
EIB	16.80	GIẢM	GIẢM		17.23				18.06		
FPT	57.20	TĂNG	TĂNG	45.20	55.95	26.55%		41.00	52.65	39.52%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM	105.20	102.13	-2.92%	BÁN		109.55		
HDB	27.80	TĂNG	TĂNG	26.30	27.30	5.70%			27.71		
HNG	15.10	GIẢM	GIẢM		16.16				18.52		
HPG	21.55	GIẢM	GIẢM		22.70				23.96		
HVN	32.80	GIẢM	GIẢM		34.24				37.60		
KDH	25.30	TĂNG	TĂNG	22.90	24.97	10.48%		24.00	23.00	5.42%	
MBB	22.95	TĂNG	TĂNG	22.20	22.31	3.38%		21.27	20.13	7.89%	
MSN	78.00	GIẢM	GIẢM		80.62				81.93		
MWG	125.10	TĂNG	TĂNG	122.40	121.90	2.21%		88.70	113.67	41.04%	
NVL	63.70	TĂNG	TĂNG	64.00	61.40	-0.47%		63.00	62.33	1.11%	MUA
OIL	10.80	GIẢM	GIẢM		11.50				12.17		
PLX	60.00	GIẢM	TĂNG		61.98			59.97	59.59	0.05%	
PNJ	80.90	GIẢM	TĂNG		82.93			77.88	78.69	3.88%	

We Create Fortune

POW	12.60	TĂNG	GIẢM	12.90	12.34	-2.33%			14.03		
PVS	19.20	TĂNG	GIẢM	20.70	18.60	-7.25%			21.78		
QNS	29.70	GIẢM	TĂNG		30.22			33.80	27.80	-12.13%	
REE	38.60	TĂNG	TĂNG	37.15	37.65	3.90%		33.33	33.97	15.83%	
ROS	25.95	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-5.64%			29.25		
SSI	23.40	TĂNG	TĂNG	21.65	22.37	8.08%			23.26		
STB	10.50	TĂNG	GIẢM	10.55	10.28	-0.47%			11.09		
TCB	23.80	TĂNG	TĂNG	22.65	22.97	5.08%		22.65	20.77	5.08%	
TPB	22.40	TĂNG	GIẢM	22.70	21.57	-1.32%			N/A		
VCB	82.00	TĂNG	TĂNG	80.00	79.40	2.50%		62.00	74.69	32.26%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.91	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	55.00	TĂNG	GIẢM	55.20	53.83	-0.36%			N/A		
VGI	32.00	GIẢM	GIẢM		33.18				N/A		
VHM	89.30	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	2.29%		90.20	80.11	-1.00%	
VIB	18.60	TĂNG	TĂNG	18.20	17.40	2.20%		17.70	16.40	5.08%	
VIC	118.00	GIẢM	TĂNG		122.68			112.00	113.76	5.36%	
VJC	137.30	GIẢM	TĂNG		139.00			124.50	130.27	10.28%	
VNM	129.00	TĂNG	TĂNG	124.00	126.17	4.03%		130.10	128.24	-0.85%	MUA
VPB	22.60	TĂNG	TĂNG	19.10	21.74	18.32%		20.30	19.11	11.33%	
VRE	32.00	GIẢM	GIẢM		33.44			34.00	33.61	-1.15%	BÁN

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.10	GIẢM	GIẢM		15.89				17.71		
ANV	26.00	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	0.39%			27.58		
ASM	7.48	TĂNG	TĂNG	6.30	7.14	18.73%		7.61	5.80	-1.71%	
BMP	51.60	TĂNG	TĂNG	51.80	50.49	-0.39%		48.30	45.90	6.83%	
BWE	26.20	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-1.69%		19.44	25.45	34.77%	
C4G	6.00	GIẢM	GIẢM		7.17				8.51		
CEO	10.10	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	-1.94%			11.11		
CII	23.00	TĂNG	TĂNG	21.40	21.98	7.48%			22.49		
CRE	24.75	GIẢM	GIẢM		25.30				26.06		
CTI	25.10	TĂNG	TĂNG	24.00	23.39	4.58%			24.64		
CTR	48.40	TĂNG	#N/A	46.50	43.39	4.09%		-	#N/A		
DCM	7.37	GIẢM	TĂNG		7.64			8.54	7.15	-13.70%	
DHC	34.60	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	4.85%			35.33		

We Create Fortune

DIG	15.10	TĂNG	TĂNG	14.25	14.26	5.96%		13.90	12.65	8.63%	
DPM	13.45	TĂNG	GIẢM	13.60	13.11	-1.10%			14.62		
DRC	23.15	GIẢM	TĂNG		24.08			21.60	20.67	7.18%	
DXG	16.80	TĂNG	TĂNG	16.15	16.52	4.02%		15.50	14.48	8.39%	
E1VFN30	15.40	TĂNG	TĂNG	14.62	15.12	5.34%		15.26	14.27	0.92%	
FCN	12.60	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	-0.40%			13.36		
FLC	3.55	GIẢM	GIẢM		3.73				4.03		
FTM	3.88	TĂNG	GIẢM	3.88	3.63	0.00%	MUA		8.42		
GEG	27.20	GIẢM	TĂNG		28.29			12.90	24.99	110.85%	
GEX	21.95	GIẢM	TĂNG		23.02			20.20	20.77	8.66%	
GMD	27.70	TĂNG	TĂNG	27.95	27.01	-0.89%		28.50	26.02	-2.81%	
GTN	19.30	GIẢM	TĂNG		19.88			15.00	17.31	28.67%	
GVR	14.00	GIẢM	#N/A		14.42			-	#N/A		
HAG	4.64	GIẢM	GIẢM		4.67				5.13		
HBC	14.25	TĂNG	GIẢM	13.70	13.95	4.01%			15.19		
HCM	24.45	TĂNG	TĂNG	22.15	23.34	10.38%		23.40	20.04	4.49%	
HDG	36.65	TĂNG	TĂNG	35.50	34.13	3.24%		35.30	32.61	3.82%	
HPX	26.30	GIẢM	#N/A		26.96			-	#N/A		
HSG	7.09	TĂNG	GIẢM	6.86	6.69	3.35%			7.44		
HT1	15.90	TĂNG	GIẢM	15.90	15.64	0.00%	MUA		16.70		
IBC	20.30	GIẢM	TĂNG		20.57			24.90	20.15	-18.47%	BÁN
IDI	7.00	GIẢM	TĂNG	6.34	7.10	11.97%	BÁN	7.53	5.67	-7.04%	
IJC	16.15	TĂNG	TĂNG	15.70	14.47	2.87%		13.10	13.12	23.28%	
ITA	3.19	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-3.04%		3.20	2.96	-0.31%	
KBC	15.20	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-0.98%	
KSB	22.10	GIẢM	TĂNG		22.62			23.90	21.11	-7.53%	
LDG	11.45	TĂNG	TĂNG	8.18	10.17	39.98%		9.89	8.90	15.77%	
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.76				8.25		
MBS	14.90	GIẢM	TĂNG		15.85			16.00	14.25	-6.88%	
MPC	25.60	GIẢM	GIẢM		27.29				33.18		
NBB	21.00	TĂNG	GIẢM	20.85	19.83	0.72%			22.02		
NKG	5.75	GIẢM	GIẢM		5.83				6.54		
NLG	28.80	TĂNG	TĂNG	28.60	27.44	0.70%		28.70	26.73	0.35%	
NT2	24.00	GIẢM	GIẢM		24.64				26.28		
NTC	167.70	TĂNG	GIẢM	168.90	157.51	-0.71%			192.49		
NTL	22.80	GIẢM	GIẢM		23.90				26.18		
NVB	8.30	TĂNG	TĂNG	7.60	7.87	9.21%		8.50	8.10	-2.35%	MUA
OGC	3.84	GIẢM	GIẢM		4.00				4.31		

We Create Fortune

PC1	20.25	GIẢM	TĂNG		21.49			19.30	18.48	4.92%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.57			23.60	25.01	11.04%	
PHR	60.20	TĂNG	GIẢM	60.40	57.51	-0.33%			65.37		
PPC	26.20	TĂNG	GIẢM	26.50	25.18	-1.13%			28.66		
PTB	70.90	TĂNG	TĂNG	69.70	68.05	1.72%		60.78	64.57	16.65%	
PVD	17.50	GIẢM	TĂNG		18.53			18.10	15.96	-3.31%	
PVI	33.80	GIẢM	GIẢM		34.64				37.43		
PVT	17.35	GIẢM	TĂNG		17.92			18.30	16.28	-5.19%	
QCG	4.49	GIẢM	GIẢM		4.78				5.28		
SAM	7.85	TĂNG	TĂNG	7.99	7.56	-1.75%		7.40	7.47	6.08%	
SBT	17.75	TĂNG	TĂNG	16.50	17.42	7.58%		17.50	16.44	1.43%	
SCR	6.51	GIẢM	GIẢM		6.69				7.01		
SHB	6.60	TĂNG	GIẢM	6.60	6.36	0.00%			6.86		
SHS	8.70	TĂNG	TĂNG	7.40	7.86	17.57%		8.40	8.12	3.57%	MUA
SJS	16.30	GIẢM	GIẢM		17.20				19.51		
STK	18.50	GIẢM	GIẢM		20.07				24.27		
SZC	18.90	GIẢM	#N/A		19.76			-	#N/A		
TCH	24.10	TĂNG	TĂNG	22.05	22.96	9.30%		22.50	21.23	7.11%	
TCM	22.85	TĂNG	GIẢM	23.00	22.13	-0.65%			25.52		
TNG	18.00	GIẢM	GIẢM		18.86				20.81		
TTB	23.20	GIẢM	TĂNG		23.62			24.50	22.71	-5.31%	
VCI	35.50	TĂNG	TĂNG	34.50	33.85	2.90%		36.00	30.78	-1.39%	
VGT	9.00	TĂNG	GIẢM	8.90	8.63	1.12%			9.82		
VHC	82.90	TĂNG	GIẢM	80.80	79.90	2.60%			87.84		
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.00	0.00%			15.06		
VNG	21.70	TĂNG	TĂNG	19.10	21.20	13.61%		20.20	19.28	7.43%	
VPI	41.50	TĂNG	TĂNG	42.20	41.24	-1.66%		41.30	39.30	0.48%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.90	GIẢM	#N/A		9.62			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.39	TĂNG	TĂNG	4.55	4.21	-3.52%		3.99	4.34	10.03%	
AMD	1.51	GIẢM	GIẢM		1.58				1.79		
APG	8.75	GIẢM	TĂNG		9.72			9.90	7.90	-11.62%	
ART	1.90	TĂNG	GIẢM	2.00	1.76	-5.00%			2.25		
BCC	7.50	GIẢM	GIẢM		7.79				8.63		

We Create Fortune

BCG	8.03	GIẢM	TĂNG	5.82	8.13	39.72%	BÁN	6.39	7.06	25.67%	
C69	26.60	TĂNG	TĂNG	18.30	26.02	45.36%		5.30	21.41	401.89%	
CCL	8.05	GIẢM	GIẢM		9.75			3.46	8.57	147.71%	
CRC	14.75	GIẢM	GIẢM		15.91			18.90	15.04	-20.40%	
CVT	23.60	TĂNG	TĂNG	21.25	22.27	11.06%		20.35	18.94	15.97%	
DAG	6.46	GIẢM	TĂNG		6.83			7.09	6.22	-8.89%	
DAH	10.20	GIẢM	GIẢM		10.21				12.12		
DGW	24.70	TĂNG	TĂNG	24.60	23.68	0.41%		23.50	21.79	5.11%	
DLG	1.51	GIẢM	GIẢM	1.61	1.52	-5.89%	BÁN		1.65		
DRH	7.05	GIẢM	GIẢM		7.54				7.76		
DTD	15.10	GIẢM	TĂNG		16.12			12.90	14.20	17.05%	
EVG	2.60	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-7.14%			2.99		
FIT	3.41	TĂNG	TĂNG	3.59	3.34	-5.01%		3.64	3.03	-6.32%	
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	-0.67%			15.54		
HAH	14.40	GIẢM	TĂNG		14.97			13.00	13.89	10.77%	
HAI	1.59	GIẢM	GIẢM		1.67				1.86		
HAP	3.39	GIẢM	TĂNG		3.42			3.67	3.25	-7.63%	
HAR	3.71	TĂNG	GIẢM	3.56	3.57	4.21%			3.88		
HCD	3.40	TĂNG	GIẢM	3.56	3.33	-4.49%			3.95		
HDA	11.00	TĂNG	GIẢM	11.20	10.66	-1.79%			12.07		
HDC	23.95	TĂNG	TĂNG	22.15	21.24	8.13%		15.25	18.89	57.05%	
HHP	11.70	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	3.13	TĂNG	GIẢM	3.04	3.02	2.96%			3.20		
HII	11.75	GIẢM	GIẢM		12.16				12.29		
HQC	1.07	GIẢM	GIẢM		1.18				1.34		
HSL	7.73	GIẢM	TĂNG		8.54			9.84	7.71	-21.44%	
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	-4.17%			2.71		
HVG	2.91	GIẢM	GIẢM		3.05				3.75		
HVH	18.00	GIẢM	#N/A		18.65				#N/A		
JVC	3.56	GIẢM	TĂNG		3.63			3.10	2.68	14.84%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.53	GIẢM	GIẢM		2.62				2.94		
LCG	9.80	TĂNG	GIẢM	9.60	9.35	2.08%			10.47		
LGL	10.55	GIẢM	TĂNG		10.96			7.11	9.49	48.32%	
LHG	16.30	GIẢM	GIẢM		17.03				19.15		
LMH	14.40	GIẢM	#N/A		15.76			-	#N/A		
MST	3.40	TĂNG	TĂNG	2.80	3.21	21.43%		3.40	3.16	0.00%	MUA
NDN	16.80	GIẢM	TĂNG		17.62			13.10	16.27	28.20%	
PHC	14.05	TĂNG	TĂNG	13.30	13.08	5.64%			13.46		



We Create Fortune

PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		20.57			20.10	18.62	-5.47%	
PVC	6.80	TĂNG	TĂNG	7.30	6.49	-6.85%		7.10	6.67	-4.23%	
PXL	4.90	GIẢM	GIẢM		5.26				6.65		
PXS	4.30	GIẢM	GIẢM		4.77				6.02		
QBS	3.12	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	7.00	GIẢM	GIẢM		7.37				9.13		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.46			6.23	8.30	44.40%	
SJF	2.39	GIẢM	GIẢM		2.77				3.30		
SKG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.38				12.13		
TDH	11.80	TĂNG	TĂNG	9.40	10.42	25.53%		10.15	9.54	16.26%	
TIG	4.40	TĂNG	TĂNG	3.40	3.70	29.41%		3.20	3.03	37.50%	
TLD	4.48	GIẢM	GIẢM		4.88				7.06		
TLH	4.46	GIẢM	GIẢM		4.65				5.06		
TNI	10.45	TĂNG	GIẢM	10.30	10.11	1.46%			11.25		
TTF	2.80	GIẢM	GIẢM		2.89				3.40		
TTH	3.00	GIẢM	GIẢM		3.08				3.39		
TVB	16.05	GIẢM	GIẢM		17.03				18.55		
TVC	16.10	TĂNG	TĂNG	16.80	16.03	-4.17%		14.30	14.38	12.59%	
VC3	23.20	TĂNG	TĂNG	23.20	22.93	0.00%		22.00	21.61	5.45%	
VCR	20.10	GIẢM	GIẢM		21.57				25.98		
VNE	3.42	TĂNG	GIẢM	3.35	3.25	2.09%			3.70		
VPG	22.70	TĂNG	TĂNG	21.40	22.27	6.07%		20.46	20.11	10.97%	
VRC	15.60	GIẢM	GIẢM		16.33				16.26		
YBM	6.65	GIẢM	GIẢM		7.40				11.71		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	992.45	0.13%
VN30	921.7	0.21%
VN Mid	985.27	0.14%
VN Small	805.21	0.68%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	105.21	-0.06%
HN30	192.24	0.40%
VNX AllSh	886.21	0.26%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.15	0.53%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	323.24	
Bán	524.75	
GT ròng	-201.51	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	6.85	
Bán	2.68	
GT ròng	4.17	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	12.15	
Bán	8.11	
GT ròng	4.05	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IJC	1050	6.95%
HT1	1000	6.71%
LDG	700	6.51%
HDC	1450	6.44%
TDH	550	4.89%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	2600	4.39%
TNG	400	2.27%
SHB	100	1.54%
TAR	300	0.99%
DP3	500	0.78%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TID	2100	14.38%
NHH	4000	11.59%
LTG	1400	5.93%
SDI	3700	5.19%
HTM	600	4.05%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HQC	-50	-4.46%
BCG	-270	-3.25%
DXG	-550	-3.17%
FCN	-300	-2.33%
IDI	-140	-1.96%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBG	-1700	-4.79%
HHC	-5100	-4.08%
NVB	-100	-1.19%
NDN	-200	-1.18%
VCS	-700	-0.65%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
C4G	-500	-7.69%
BSR	-200	-2.13%
VGI	-600	-1.84%
LPB	-100	-1.35%
DVN	-100	-0.80%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	394,820	
VCB	304,128	
VHM	298,107	
VNM	221,155	
GAS	198,094	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,263	
VCS	17,013	
VCG	11,661	
PVS	9,177	
PVI	7,858	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	165,522	
VGI	99,085	
VEA	73,239	
GVR	56,048	
MCH	52,163	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	18,914,010	20,556,374
NVL	14,206,030	1,735,853
HQC	12,765,574	2,678,720
MBB	7,200,130	4,714,230
VPB	6,064,630	4,365,525

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	1,981,422	2,281,815
ACB	1,857,027	2,345,540
SHB	1,776,779	4,293,068
ART	1,190,700	821,160
TIG	1,163,846	534,940

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	1,269,280	1,741,967
VIB	1,141,200	875,472
TID	1,062,011	124,303
LPB	638,899	382,313
C4G	469,628	223,703

Nguồn: Bloomberg & YSVN

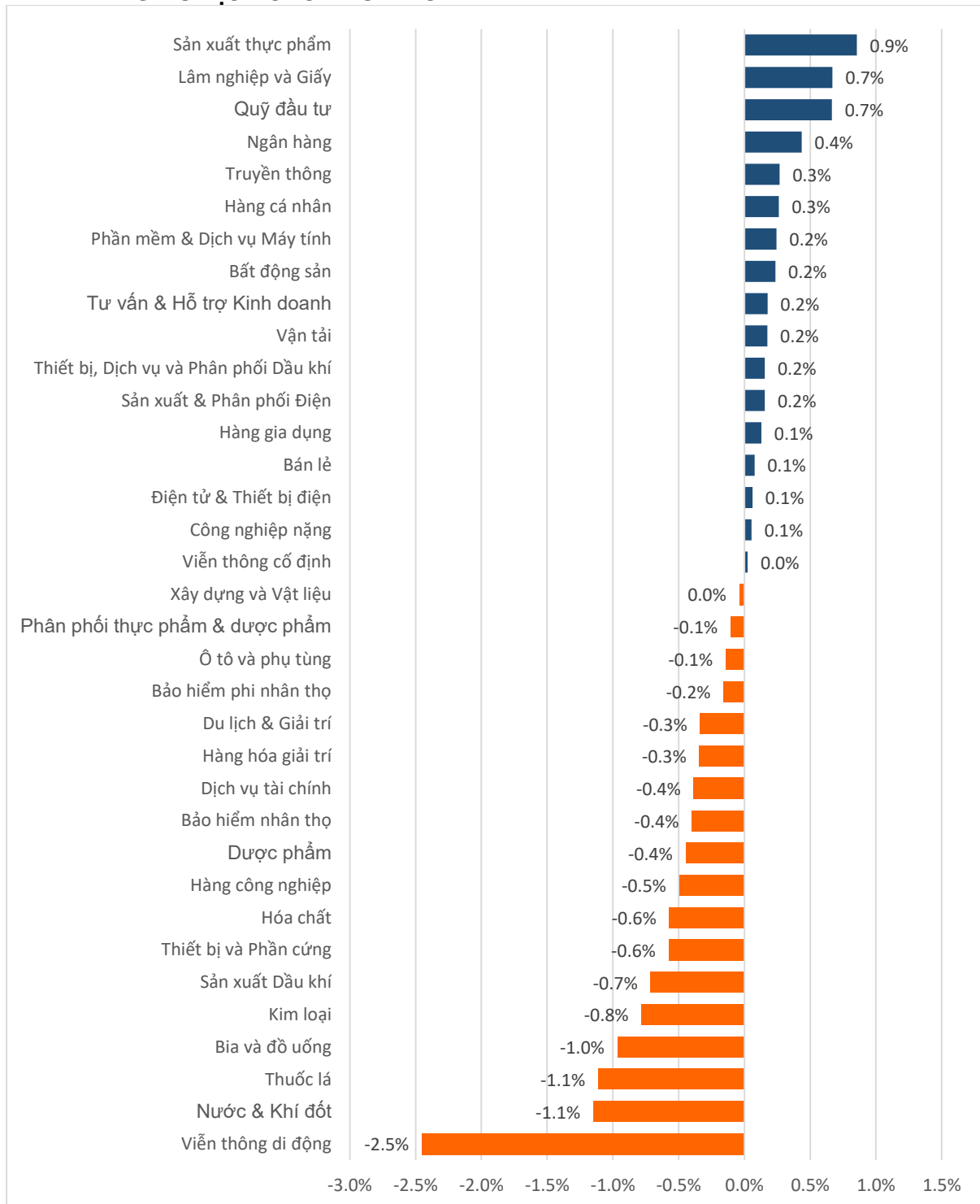
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



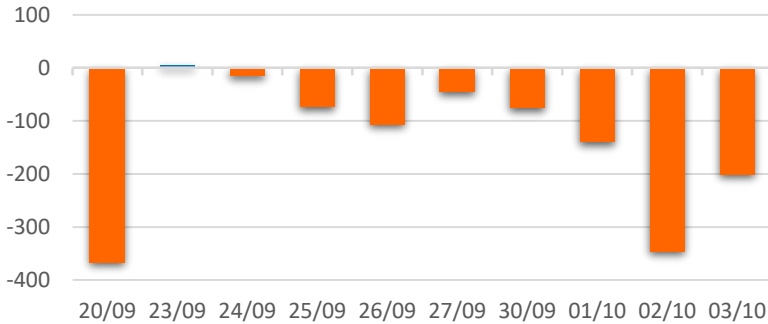
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

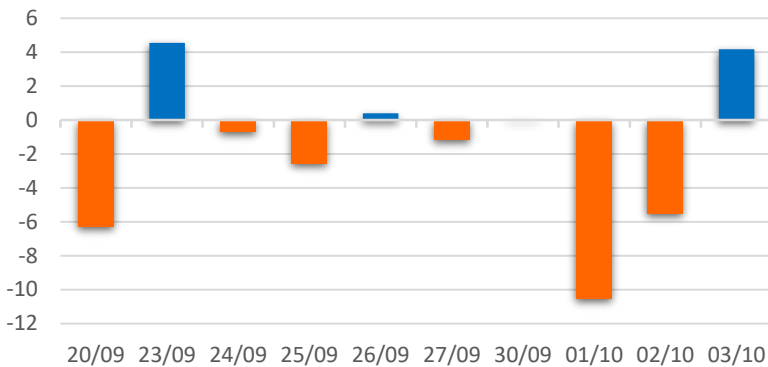
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BID	14,386	VCB	44,007
PVD	4,396	VRE	41,138
VHM	4,342	HPG	27,506
PVT	3,013	GAS	22,528
STB	2,987	VNM	17,128

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

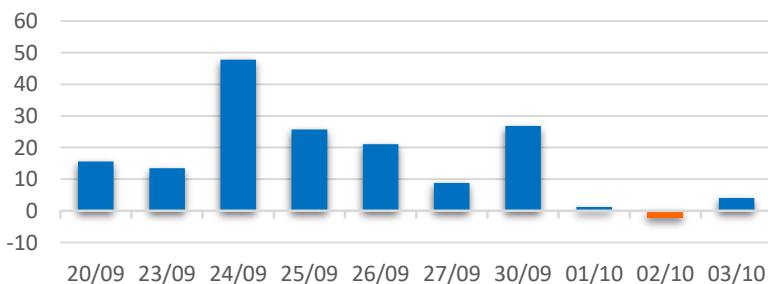
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	5,548	CEO	950
SHS	261	VCS	432
WCS	106	TIG	417
SDT	103	BVS	225
TTH	87	ART	180

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	1,781	LPB	2,821
ACV	1,591	CTR	577
VEA	1,512	SDI	245
MCH	1,494	DPH	28
QNS	977	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



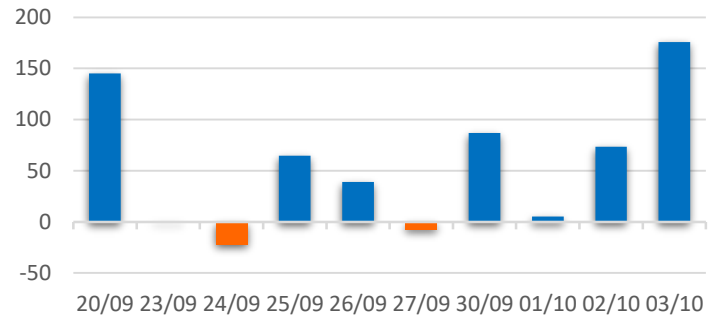
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

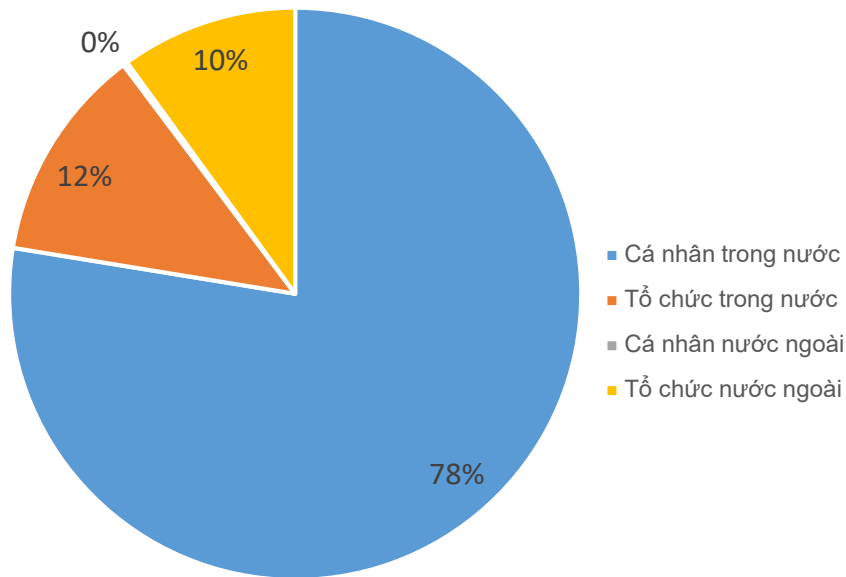
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SSI	93,262	HPG	17,921
VJC	47,284	HDG	13,501
MBB	14,564	EIB	8,875
VNM	9,597	VPB	5,017
HPG	8,545	MWG	4,232

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

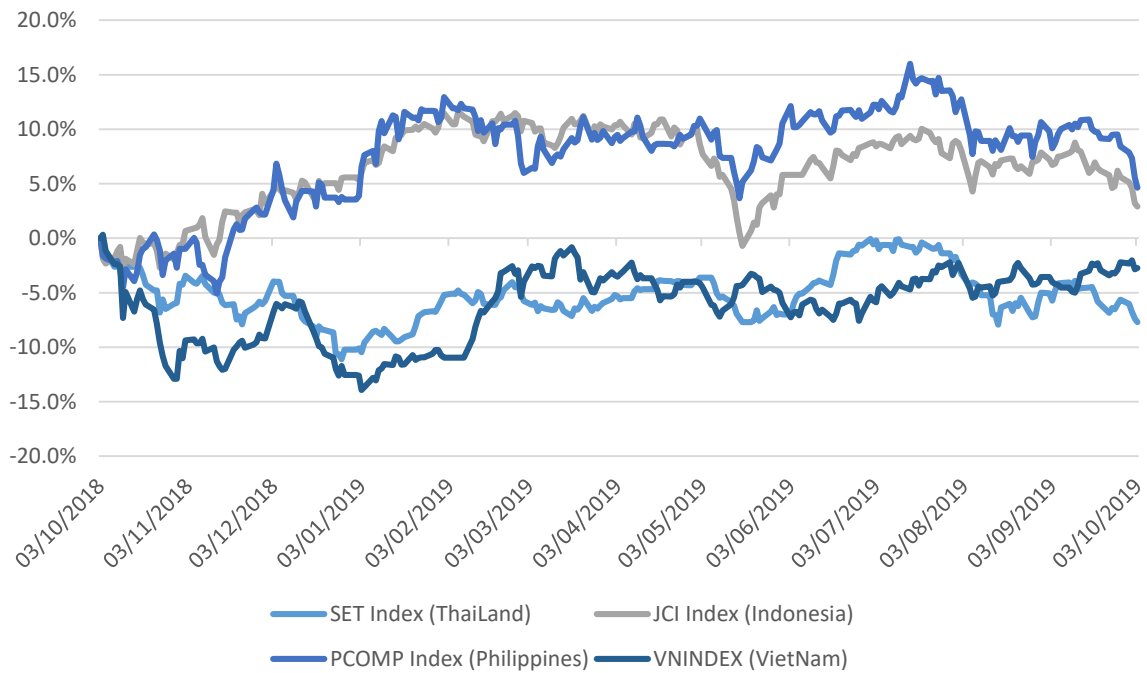


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

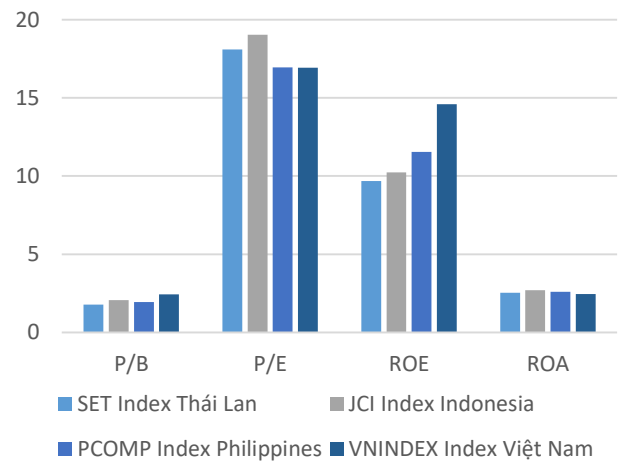
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	1.9x	2.4x
P/E		18.1x	19.0x	16.9x	16.9x
ROE	%	9.68	10.23	11.54	14.60
ROA	%	2.53	2.70	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	543.61	492.28	184.25	144.51
GTGD	Triệu USD	1.12	0.48	0.08	0.15
LS cổ tức	%	3.15	2.54	1.73	1.94

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuantan.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written